

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 461/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2024.

V/v tranh chấp: "Ly hôn".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hoàng Hoa.
- Ông Châu Văn Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Phi Yến – kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 385/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh C trình bày: Ông C và bà H sống chung từ năm 1983 tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông C và bà Hiếu sinh S hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 1995 đến nay. Xét tình cảm không còn ông C yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Ngọc H1 sinh ngày 16/5/1985. Hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Cam kết không có.

\* Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà H và ông C là vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1983, do tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà H và ông C đã không sống chung từ năm 1995. Nay ông C yêu cầu được ly hôn, bà H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Ngọc H1 sinh ngày 16/5/1985. Hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Cam kết không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà H được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên ông bà vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp (hôn nhân thực tế) theo điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH1009/6/2000 của Quốc hội và Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình chung sống, ông

C và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ năm 1995 cho đến nay. Ông C yêu cầu ly hôn với bà H, bà H cũng đồng ý nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C. Về con chung, có một con chung tên Trần Thị Ngọc H1 sinh ngày 16/5/1985 đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: ông C và bà H đều trình bày không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông C thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn ông C và bị đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C và bà H.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C về việc được ly hôn bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà H: Ông C và bà H đã tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, ông C và bà H sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, ông C và bà H đã không chung sống với nhau từ năm 1995 cho đến nay. Ông C nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà H, bà H cũng đồng ý ly hôn với ông C. Căn cứ điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP06/01/2016, ông C và bà H chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế và hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống ông C, bà H không tìm ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và ông, bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 1995 cho đến nay, từ đó cho thấy đời sống chung của ông C, bà H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà H.

[2.2] Về con chung: Ông C, bà H có một người con chung tên Trần Thị Ngọc H1 sinh ngày 16/5/1985, hiện nay đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Cam kết không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông C có đơn xin miễn giảm án phí và thuộc đối tượng được miễn giảm án phí nên được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C về việc ly hôn với bà Dương Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh C được quyền ly hôn bà Dương Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thị Ngọc H1 sinh ngày 16/5/1985. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Minh C được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phương Dung**